



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VÀ THIẾT BỊ
TRƯỜNG HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

MỤC LỤC	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Các Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 24

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh công bố báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Công ty đã đăng ký niêm yết giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 21/12/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 63/TTGDHN – ĐKGD ngày 06/12/2006 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là STC.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: 223 Nguyễn Tri Phương, Phường 9, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84) 08.8554 645 - 08.8553 118
- Fax: (84) 08.8564 307

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Công ty có 3 đơn vị trực thuộc:

- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp đồ dùng dạy học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học TP. Hồ Chí Minh - Xí nghiệp Thiết bị trường học;
- Chi nhánh Công ty Cổ Phần Sách và Thiết Bị Trường Học Thành Phố Hồ Chí Minh (Tại Khu Công Nghiệp Sóng Thần 3- Bình Dương).

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

□□

Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	L.vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH MTV In chuyên dùng	104/5 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Q.1, TP Hồ Chí Minh	In ấn	100%
Công ty Cổ phần Giáo dục An đông	223 Nguyễn Tri Phương Quận 5 Thành phố HCM	Giáo dục	51%

Nhân sự

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Từ Văn Sơn	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009
• Ông Lê Kế Đức	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009
• Ông Xà Triệu Hoàng	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009
• Ông Ngô Trần Vinh	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009
• Ông Huỳnh Bá Vân	Ủy viên	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009

Ban Kiểm soát

• Ông Đỗ Thành Lâm	Trưởng ban	Bổ nhiệm lại ngày 13/04/2009
• Bà Trần Thị Quỳnh Châu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13/04/2009
• Bà Phạm Nhật Quyên	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 13/04/2009

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Ông Từ Văn Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Lê Kế Đức	Phó tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Ngô Trần Vinh	Phó tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Phan Xuân Hiến	Phó tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009
• Ông Trần Văn Hưng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 15/04/2009

Kiểm toán độc lập

Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính 217 Nguyễn Văn Linh, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 511.3655886; Fax: (84) 511.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

□□

- Tuân thủ các Quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên nguyên tắc hoạt động liên tục.

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Từ Văn Sơn

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2012



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC

THÀNH VIÊN QUỐC TẾ CỦA POLARIS INTERNATIONAL

Trụ sở chính

217 Nguyễn Văn Linh, Tp. Đà Nẵng
Tel: 84.5113.655.886; Fax: 84.5113.655.887
Website: <http://www.aac.com.vn>

Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

Lầu 5, Tòa nhà Hoàng Đan
47-49 Hoàng Sa, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: 84.83.910.2235; Fax: 84.83.910.2349

Số: 150 /BCKT-AAC

Đà Nẵng, ngày 28 tháng 2 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các Cổ đông
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011, gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 25/2/2012 của Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh và công ty con (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đính kèm từ trang 5 đến trang 24. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập theo Chế độ kế toán Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty và của Kiểm toán viên

Việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này là trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là dựa trên các bằng chứng kiểm toán để đưa ra ý kiến độc lập của mình về tính trung thực và hợp lý của các Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Theo đó, chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong các Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của mình.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2011, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và quy định pháp lý hiện hành có liên quan về lập và trình bày báo cáo tài chính.

KT. Tổng Giám đốc

Lê Khắc Minh

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số Đ 0103/KTV

Trần Thị Nở

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 1135/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 – DN/HN

Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC
ngày 20/3/2006 và các qui định sửa đổi,
bổ sung của Bộ trưởng BTC

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		72.415.305.421	78.803.331.394
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	12.942.756.222	11.727.343.351
1 Tiền	111		12.942.756.222	2.244.852.509
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	9.482.490.842
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		26.159.318.505	34.283.550.213
1 Phải thu khách hàng	131		25.621.747.845	34.025.857.781
2 Trả trước cho người bán	132		348.758.007	396.657.648
3 Các khoản phải thu khác	135	6	508.002.515	23.284.370
4 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(319.189.862)	(162.249.586)
IV. Hàng tồn kho	140		32.478.912.364	32.047.897.260
1 Hàng tồn kho	141	8	32.803.625.008	32.190.994.145
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(324.712.644)	(143.096.885)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		834.318.330	744.540.570
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	603.308.758	577.553.368
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		163.038.643	92.906.716
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	10	4.082.929	32.480.486
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	11	63.888.000	41.600.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.292.422.762	39.232.479.783
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		28.784.006.227	24.815.803.210
1 Tài sản cố định hữu hình	221	12	26.858.199.150	15.575.020.146
- Nguyên giá	222		40.328.531.192	27.881.257.756
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.470.332.042)	(12.306.237.610)
2 Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		167.790.500	167.790.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(167.790.500)	(167.790.500)
3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	13	1.925.807.077	9.240.783.064
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		593.000.000	593.000.000
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư dài hạn khác	258	14	593.000.000	593.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		15.915.416.535	13.823.676.573
1 Chi phí trả trước dài hạn	261	15	15.915.416.535	13.823.676.573
2 Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		117.707.728.183	118.035.811.177

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.889.949.163	36.952.580.467
I. Nợ ngắn hạn	310		25.955.474.574	36.498.610.155
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	16	3.914.000.000	4.183.000.000
2 Phải trả người bán	312		11.501.169.033	15.174.018.563
3 Người mua trả tiền trước	313		464.597.112	255.604.644
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	17	1.029.219.717	1.842.847.276
5 Phải trả người lao động	315		4.849.893.081	4.826.069.498
6 Chi phí phải trả	316	18	977.870.168	-
7 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	2.094.388.439	8.980.830.573
8 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.124.337.024	1.236.239.601
II. Nợ dài hạn	330		934.474.589	453.970.312
1 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		231.827.397	104.587.448
2 Doanh thu chưa thực hiện	338		702.647.192	349.382.864
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.247.689.974	79.613.230.710
I. Vốn chủ sở hữu	410		89.247.689.974	79.613.230.710
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20	56.655.300.000	56.655.300.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412	20	12.325.320.000	12.325.320.000
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413	20	2.352.678.643	1.845.562.255
4 Cổ phiếu quỹ	414	20	(3.275.267.777)	(3.275.267.777)
5 Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		1.584.205	6.823.062
6 Quỹ đầu tư phát triển	417	20	11.587.864.435	10.619.105.350
7 Quỹ dự phòng tài chính	418	20	1.874.518.505	1.375.716.000
8 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	20	7.725.691.963	60.671.820
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		1.570.089.046	1.470.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		117.707.728.183	118.035.811.177

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2010
1 Tài sản thuê ngoài	-	-
2 Ngoại tệ các loại (USD)	68.525,66	22.364,57

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 02 – DN/NH
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ - BTC ngày
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	21	221.047.919.688	196.211.555.002
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	21	2.447.661.986	1.298.074.854
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10	21	218.600.257.702	194.913.480.148
4. Giá vốn hàng bán	11	22	166.975.681.066	158.065.578.508
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		51.624.576.636	36.847.901.640
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	610.879.052	1.178.657.667
7. Chi phí tài chính	22	24	2.515.980.472	1.358.353.814
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		978.015.971	487.096.902
8. Chi phí bán hàng	24		18.317.037.136	12.959.401.520
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.245.337.118	12.117.827.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13.157.100.962	11.590.976.973
11. Thu nhập khác	31	25	262.072.279	388.204.897
12. Chi phí khác	32	26	604.796.482	224.312.609
13. Lợi nhuận khác	40		(342.724.203)	163.892.288
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	27	12.814.376.759	11.754.869.261
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	1.553.240.424	1.645.302.025
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	27	11.261.136.335	10.109.567.236
17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		100.089.046	48.296.241
17.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	61		11.161.047.289	10.061.270.995
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	2.074	1.870

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2012

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 03 – DN/NH
Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày
20/3/2006 và các qui định sửa đổi, bổ sung
của Bộ trưởng BTC

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1 Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	235.032.224.689	209.343.311.853
2 Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(178.169.839.667)	(168.910.890.381)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03	(24.558.253.559)	(19.129.574.926)
4 Tiền chi trả lãi vay	04	(978.015.971)	(487.096.902)
5 Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(2.372.341.621)	(1.704.947.437)
6 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.443.774.084	3.717.307.891
7 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.287.203.139)	(14.871.001.130)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.110.344.816	7.957.108.968
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1 Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(9.516.377.398)	(1.419.629.929)
2 Tiền thu từ TLý, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	27.454.545	211.363.637
3 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	-	-
5 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(140.000.000)
6 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.000.000.000
6 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	596.895.834	1.144.496.694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(8.892.027.019)	796.230.402
1. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1 Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	1.470.000.000
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	10.799.226.789	4.027.000.000
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(11.068.226.789)	(6.080.512.973)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.728.666.069)	(6.457.236.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.997.666.069)	(7.040.748.973)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	1.220.651.728	1.712.590.397
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	11.727.343.351	10.005.000.619
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(5.238.857)	9.752.335
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	12.942.756.222	11.727.343.351

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập trên cơ sở Cổ phần hoá Doanh nghiệp nhà nước (Công ty Sách và Thiết bị Trường học Thành Phố Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 6500/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103004971 ngày 04 tháng 07 năm 2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay Công ty đã bốn lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 05 tháng 02 năm 2010.

Ngành nghề kinh doanh chính

- Mua bán sách giáo khoa; In sách giáo khoa học sinh và các loại ấn phẩm nhà trường, nhãn hiệu bao bì;
- Sản xuất và cung ứng các thiết bị trường học và đồ dùng dạy học;
- Mua bán tủ, bàn, ghế, sản phẩm bằng gỗ, đồ chơi trẻ em, thiết bị nghe nhìn, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm máy vi tính;
- Giáo dục tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông;
- Đào tạo nghề;
- Cho thuê văn phòng.

Công ty con: Công ty TNHH Một thành viên In Chuyên Dùng

- Địa chỉ trụ sở chính: 104/5 Mai Thị Lựu, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con là: In sách giáo khoa, tạp chí chuyên ngành, văn hóa phẩm, nhãn hàng, giấy tờ quản lý kinh tế - xã hội
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%.

Công ty con: Công ty Cổ phần Giáo dục An Đông

- Địa chỉ trụ sở chính: 223 Nguyễn Tri Phương, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động chính của Công ty con là: Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Trung học cơ sở và Giáo dục Trung học Phổ Thông
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.

2. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi sổ bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. Chế độ kế toán áp dụng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu áp dụng

4.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty con nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của các công ty này. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các Công ty con. Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các Công ty con và Công ty.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Tất cả các số dư và giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.3 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh. Các tài khoản có số dư ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản nợ dài hạn được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của tiền mặt, tiền gửi, tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn thì để lại số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược lại để tất toán số dư.

4.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.6 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập cho các khoản đầu tư nếu phát sinh tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài chính.

4.7 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 7
Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

4.8 Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình khi Công ty được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận được quyền sử dụng đất lâu dài và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (trừ trường hợp đất đi thuê).

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ các khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,...

Quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao.

4.9 Ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

4.10 Trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho khoảng thời gian người lao động làm việc tại Công ty tính đến ngày 31/12/2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là từ 1% đến 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Quỹ dự phòng về trợ cấp mất việc làm được Công ty trích lập theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính.

4.11 Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, doanh thu hoạt động tài chính

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

4.13 Chính sách thuế và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế Giá trị gia tăng:
Sách giáo khoa và các loại sách tham khảo bổ trợ sách giáo khoa thuộc đối tượng không chịu thuế; các loại sách khác và thiết bị văn phòng, dụng cụ học tập chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 25%.

Các ưu đãi về thuế Thu nhập doanh nghiệp áp dụng riêng đối với Công ty mẹ

- Đối với phần thu nhập có được trong lĩnh vực xã hội hóa (sản xuất và cung ứng thiết bị trường học, đồ dùng dạy học): Áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Ưu đãi trên được thực hiện theo Công văn số 1294/TCT-CS của Tổng cục Thuế ngày 15/4/2011 về việc trả lời Công văn số 245/STB-10 ngày 29/12/2010 của Công ty Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngoài ra, Công ty mẹ còn được hưởng chế độ ưu đãi đối với các tổ chức có đăng ký giao dịch cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Công văn số 5248/TC – CST ngày 29/04/2005 của Bộ Tài Chính. Theo đó, Công ty mẹ được giảm 50% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 2 năm (năm 2011 - 2012).
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền mặt	261.744.064	387.284.297
Tiền gửi ngân hàng	12.681.012.158	1.857.568.212
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	-	9.482.490.842
Cộng	12.942.756.222	11.727.343.351

6. Các khoản phải thu khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Phải thu tiền đồng phục học sinh	-	21.600.000
Nhà Xuất bản giáo dục Việt Nam	505.292.562	-
Phải thu khác	2.709.953	1.684.370
Cộng	508.002.515	23.284.370

7. Dự phòng phải thu khó đòi

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu trên 3 năm	151.677.100	151.677.100
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	36.146.755	10.572.486
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	131.366.007	-
Cộng	319.189.862	162.249.586

8. Hàng tồn kho

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	7.870.643.040	7.064.633.026
Công cụ, dụng cụ	66.860.375	11.049.438
Chi phí SX, KD dở dang	1.566.445.687	250.952.627
Thành phẩm	7.707.601.375	8.475.339.323
Hàng hóa	15.592.074.531	16.389.019.731
Cộng	32.803.625.008	32.190.994.145

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	113.149.006	357.758.753
Chi phí sửa chữa phân bổ ngắn hạn	480.559.752	-
Chi phí trả trước khác	9.600.000	219.794.615
Cộng	603.308.758	577.553.368

10. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế TNDN nộp thừa	4.082.929	3.293.451
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	29.187.035
Cộng	4.082.929	32.480.486

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	63.888.000	41.600.000
Cộng	63.888.000	41.600.000

12. Tài sản cố định hữu hình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu năm	16.405.057.843	7.803.213.908	2.415.611.421	1.257.374.584	27.881.257.756
Mua sắm trong năm	-	1.160.971.891	1.126.947.410	355.055.943	2.642.975.244
Đ/tư XDCB h/thành	10.274.697.286	-	-	-	10.274.697.286
T/lý, nhượng bán	-	132.198.171	195.459.000	142.741.923	470.399.094
	-	-	-	-	-
Số cuối năm	26.679.755.129	8.831.987.628	3.347.099.831	1.469.688.604	40.328.531.192
Khấu hao					
Số đầu năm	4.834.842.958	4.940.591.833	1.789.806.375	740.996.444	12.306.237.610
Khấu hao trong năm	509.049.995	712.571.008	201.490.429	192.604.317	1.615.715.749
T/lý, nhượng bán	-	113.420.394	195.459.000	142.741.923	451.621.317
	-	-	-	-	-
Số cuối năm	5.343.892.953	5.539.742.447	1.795.837.804	790.858.838	13.470.332.042
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	11.570.214.885	2.862.622.075	625.805.046	516.378.140	15.575.020.146
Số cuối năm	21.335.862.176	3.292.245.181	1.551.262.027	678.829.766	26.858.199.150

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là: 5.487.514.663 đồng.

Giá trị còn lại của Tài sản cố định dùng để thế chấp các khoản vay: 0 đồng.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Công trình Khu công nghiệp Sóng Thần	-	7.701.346.662
Cải tạo nhà 223 Nguyễn Tri Phương	1.884.897.986	1.539.436.402
Khu nội trú	40.909.091	-
Cộng	1.925.807.077	9.240.783.064

14. Đầu tư dài hạn khác

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011		31/12/2010	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
	Cổ phiếu	VND	Cổ phiếu	VND
Công ty CP sách Giáo dục Tây Ninh	1.000	103.000.000	1.000	103.000.000
Công ty CP Dịch vụ Xuất Bản giáo dục Gia Định	49.000	490.000.000	49.000	490.000.000
Cộng		593.000.000		593.000.000

Cho đến thời điểm này, Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần Xuất bản Gia định có lãi và vốn chủ sở hữu được bảo toàn nên không phải lập dự phòng.

Công ty chưa nhận được Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ phần sách Giáo dục Tây Ninh cũng như các quyết định chia cổ tức chính thức của năm 2011 cho khoản vốn đã đầu tư. Do cổ phiếu này chưa được niêm yết tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và Công ty cũng không có được nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy về thị giá của cổ phiếu này tại thời điểm cuối niên độ kế toán. Ban Tổng giám đốc Công ty đánh giá rằng giá trị ghi nhận khoản đầu tư này là hợp lý. Do đó, giá trị của khoản đã đầu tư được ghi nhận theo giá gốc và không trích lập dự phòng.

15. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1.307.082.878	708.650.184
Sửa chữa nhà xưởng Tân tạo	40.022.895	200.114.522
Sửa chữa nhà 223 Nguyễn Tri Phương	2.525.200.207	843.827.451
Sửa chữa, cải tạo Cửa hàng 122 Phan Văn Trị	517.053.815	899.453.981
Sửa chữa nhà 780 Nguyễn Kiệm	-	22.727.271
Sửa chữa nhà xưởng Bình Dương	27.162.851	41.978.951
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	1.041.017.841	432.805.165
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Sóng Thần (a)	8.524.162.275	8.713.588.107
Chi phí thuê đất trả trước tại KCN Tân tạo (b)	1.911.922.733	1.960.530.941
Chi phí khác	21.791.040	-
Cộng	15.915.416.535	13.823.676.573

(a): Thuê 20.600 m² đất ở KCN Sóng Thần Bình Dương với thời hạn thuê từ ngày 26/12/2006 đến 31/12/2055.

(b): Thuê 2.575 m² đất ở KCN Tân Tạo Thành Phố Hồ Chí Minh với thời hạn thuê từ ngày 20/03/2001 đến 17/06/2047.

16. Vay và nợ ngắn hạn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Vay ngắn hạn	3.914.000.000	4.183.000.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn VN	347.000.000	-
- Vay cán bộ công nhân viên	3.567.000.000	4.183.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	3.914.000.000	4.183.000.000

17. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Thuế giá trị gia tăng	363.769.107	497.705.630
Thuế thu nhập doanh nghiệp	470.152.428	1.288.464.147
Thuế thu nhập cá nhân	195.298.182	56.677.499
Cộng	1.029.219.717	1.842.847.276

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

18. Chi phí phải trả

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Trích trước chi phí chiết khấu thanh toán nhanh	187.453.113	-
Trích trước chi phí hoa hồng môi giới	790.417.055	-
Cộng	977.870.168	-

19. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Kinh phí công đoàn	351.657.162	239.082.287
Bảo hiểm xã hội	2.324.818	-
Phải trả về cổ phần hoá	723.771.000	723.771.000
Cổ tức phải trả	310.772.932	7.039.439.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	705.862.527	978.538.286
- Hoa hồng phải trả	-	372.598.978
- Thù lao hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	345.100.000	273.200.000
- Phải trả cán bộ công nhân viên (thuế TNCN tạm thu)	119.823.460	-
- Phải trả khác	240.939.067	332.739.308
Cộng	2.094.388.439	8.980.830.573

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2010	56.655.300.000	12.325.320.000	1.405.203.218	(3.275.267.777)	9.288.665.850	942.495.244	524.203.750
Tăng trong năm	-	-	440.359.037	-	1.330.439.500	433.220.756	10.061.270.995
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	10.524.802.925
Số dư tại 31/12/2010	56.655.300.000	12.325.320.000	1.845.562.255	(3.275.267.777)	10.619.105.350	1.375.716.000	60.671.820
Số dư tại 01/01/2011	56.655.300.000	12.325.320.000	1.845.562.255	(3.275.267.777)	10.619.105.350	1.375.716.000	60.671.820
Tăng trong năm	-	-	507.116.388	-	968.759.085	498.802.505	11.161.047.289
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	3.496.027.146
Số dư tại 31/12/2011	56.655.300.000	12.325.320.000	2.352.678.643	(3.275.267.777)	11.587.864.435	1.874.518.505	7.725.691.963

Vốn khác của chủ sở hữu là Quỹ dự trữ trích lập theo điều lệ Công ty.

b. Chi tiết vốn đầu tư của Chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Nhà Xuất bản Giáo dục	29.767.680.000	29.767.680.000
Vốn góp của các cổ đông khác	24.042.620.000	24.042.620.000
Giá trị của cổ phiếu quỹ theo mệnh giá	2.845.000.000	2.845.000.000
Cộng	56.655.300.000	56.655.300.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2011 Cổ phiếu	31/12/2010 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu thường	5.665.530	5.665.530
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu quỹ	284.500	284.500
- Cổ phiếu thường	284.500	284.500
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu thường	5.381.030	5.381.030
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	60.671.820	524.203.750
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	-
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	11.161.047.289	10.061.270.995
Phân phối lợi nhuận	3.496.027.146	10.524.802.925
- Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ đầu tư phát triển	960.445.202	1.323.301.219
- Trích quỹ đầu tư phát triển	8.313.883	7.138.281
- Trích quỹ dự phòng tài chính	498.802.505	433.220.756
- Trích quỹ dự trữ	507.116.388	440.359.037
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.014.232.780	885.085.595
- Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành	507.116.388	440.359.037
- Chia cổ tức	-	6.995.339.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	7.725.691.963	60.671.820

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu	221.047.919.688	196.211.555.002
+ Doanh thu bán sách và sản phẩm in	93.707.063.663	79.691.505.822
+ Doanh thu thiết bị giáo dục	121.555.762.660	114.398.111.798
+ Doanh thu hoạt động dạy học	5.114.525.182	1.382.035.374
+ Doanh thu khác	670.568.183	739.902.008
Các khoản giảm trừ doanh thu	2.447.661.986	1.298.074.854
+ Giảm giá hàng bán	17.205.019	2.272.727
+ Hàng bán bị trả lại	2.430.456.967	1.288.321.306
+ Giảm khác (Điều chỉnh thuế suất)	-	7.480.821
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	218.600.257.702	194.913.480.148

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn sách và sản phẩm in	77.307.628.062	68.735.104.808
Giá vốn thiết bị giáo dục	86.144.706.512	88.319.758.283
Giá vốn hoạt động dạy học	2.931.673.494	659.215.245
Giá vốn khác	410.063.566	208.403.287
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	181.609.432	143.096.885
Cộng	166.975.681.066	158.065.578.508

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	549.087.834	1.075.777.694
Cổ tức, lợi nhuận được chia	47.808.000	68.719.000
Chiết khấu thanh toán nhanh nhận được	13.983.218	34.160.973
Cộng	610.879.052	1.178.657.667

24. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	978.015.971	487.096.902
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	1.537.964.501	838.819.594
Chi phí tài chính khác	-	32.437.318
Cộng	2.515.980.472	1.358.353.814

25. Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thanh lý TSCĐ	27.454.545	211.363.637
Xử lý chênh lệch kiểm kê hàng tồn kho	60.913.045	60.105.337
Thanh lý phế liệu	94.392.090	45.719.090
Thu giảm cước	1.231.486	4.160.975
Vận chuyển sách pokemon, an toàn giao thông	5.863.636	35.999.999
Cho thuê mặt bằng, điện, nước	32.050.090	-
Thu nhập khác	40.167.387	30.855.859
Cộng	262.072.279	388.204.897

26. Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý	18.777.777	993.636
Xuất vật tư thanh lý	500.734.866	180.989.028
Phạt vi phạm hành chính	-	-
Xử lý chênh lệch hàng thiếu qua kiểm kê	80.443.839	28.653.967
Điều chỉnh giảm thuế nhập khẩu năm trước	-	-
Chi phí khác	4.840.000	13.675.978
Cộng	604.796.482	224.312.609

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

27. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp và lợi nhuận sau thuế TNDN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.814.376.759	11.754.869.261
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	7.507.860.817	10.459.959.168
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.728.433.266	-
- Hoạt động khác không được ưu đãi	578.082.676	1.294.910.093
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	127.892.800	109.590.444
Điều chỉnh tăng	175.700.800	178.309.444
- Chi phí không hợp lệ	175.700.800	156.400.000
- Chi phí phạt chậm nộp thuế	-	21.909.444
Điều chỉnh giảm	47.808.000	68.719.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	47.808.000	68.719.000
Tổng thu nhập chịu thuế	12.942.269.559	11.864.459.705
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi	7.683.561.617	10.638.268.612
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa	4.728.433.266	-
- Hoạt động khác không được ưu đãi	530.274.676	1.226.191.093
Thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất áp dụng	2.526.302.399	2.958.336.097
- Hoạt động sản xuất kinh doanh được ưu đãi (25%)	1.920.890.404	2.651.788.324
- Hoạt động sản xuất cho ngành nghề xã hội hóa (10%)	472.843.326	-
- Hoạt động khác không được ưu đãi (25%)	132.568.669	306.547.773
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	973.061.975	1.328.487.105
- Thuế TNDN được miễn giảm theo ưu đãi đầu tư	973.061.975	1.328.487.105
- Thuế TNDN được giảm 30% theo TT 03/2009/TT-BTC	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.553.240.424	1.645.302.025
- Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.553.240.424	1.629.848.992
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	15.453.033
+ Điều chỉnh theo công văn 7250/BTC-TCT	-	(57.578.447)
+ Điều chỉnh theo biên bản kiểm tra thuế	-	73.031.480
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.261.136.335	10.109.567.236
Lợi ích cổ đông thiểu số	100.089.046	48.296.241
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	11.161.047.289	10.061.270.995

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

28. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.161.047.289	10.061.270.995
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán	-	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
LN hoặc Lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu CP phổ thông	11.161.047.289	10.061.270.995
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.381.030	5.381.030
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.074	1.870

29. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 28/03/2011 đã quyết định chia cổ tức năm 2010 là 13% vốn điều lệ. Theo đó, ngày 04/03/2011 Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức và thực hiện chi trả trong tháng 4 năm 2011.

Sau ngày kết thúc niên độ kế toán 2011, Công ty đã chốt danh sách cổ đông hưởng quyền nhận cổ tức năm 2011 (ngày 02/03/2012). Dự kiến thực hiện chi trả cổ tức vào ngày 10/4/2012.

30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	55.939.420.717	53.330.227.829
Chi phí nhân công	24.712.005.338	20.341.694.996
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.466.379.617	1.384.879.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.937.437.950	10.300.023.877
Chi phí khác bằng tiền	6.663.198.839	3.296.385.534
Cộng	101.718.442.461	88.653.211.919

31. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

a. Thông tin về các bên liên quan

Công ty liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Công ty đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Chung nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Học Liệu	Chung nhà đầu tư
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Chung nhà đầu tư

b. Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị VND
Bán hàng		
Nhà xuất bản giáo dục tại TPHCM	Mua sách giáo khoa	161.292.240
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Thiết bị, đĩa, ấn phẩm	922.242.652
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Mua sách, thiết bị	
Công ty Cổ phần Học Liệu	Mua thiết bị	20.815.030
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Mua thiết bị	713.903.570
Mua hàng		
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Cung ứng sách giáo khoa	39.315.543.386
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Cung ứng sách tham khảo	982.338.433
Công ty Cổ phần Học Liệu	Cung ứng băng đĩa giáo dục	232.516.000
Công ty CP Thiết bị Giáo dục 2	Cung ứng thiết bị giáo dục	6.863.886
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Cung ứng sách tham khảo, văn hoá phẩm	21.498.248.813

c. Vào ngày kết thúc niên độ kế toán 31/12/2011, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu VND	Phải trả VND
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải trả người bán	77.675.107	
Công ty Cổ phần Học Liệu	Phải thu khách hàng		131.694.329
Công ty Thiết bị Giáo dục 2	Phải thu khách hàng		376.190.662
Công ty CP Sách Thiết bị Giáo dục Miền Nam	Phải trả người bán		
Công ty CP Sách Giáo dục Thành Phố HCM	Phải trả người bán		232.335.251
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Phải trả người bán		313.039.243

32. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong các Báo cáo tài chính.

33. Số liệu so sánh

Các số liệu so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi AAC.

Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng

Người lập

Từ Văn Sơn

Trần Văn Hưng

Huỳnh Thị Bích Hạnh

TP Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 2 năm 2012.